TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:121/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 09/4/2026
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Nga;

2. Ông Tô Ngọc Liêm.

- Thư ký phiên toà: Bà Huỳnh Tiểu Ngọc, Thư ký Toà án nhân dân khu vực 11 - An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án thụ lý số 12/2026/TLST-HNGĐ về việc tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2026/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 106/2026/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đào Văn S, sinh ngày 19/4/1996; CCCD số 089096018467; địa chỉ: số F, ấp P, xã C, tỉnh An Giang (Có mặt);

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Bích T, sinh ngày 01/10/2002; CCCD số 089302011639; địa chỉ: ấp A, xã L, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai và các biên bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn ông Đào Văn S trình bày:

Sau thời gian tìm hiểu nhau về tình cảm và được gia đình hai bên đồng ý, ông với bà Trần Thị Bích T quyết định tiến tới hôn nhân, không tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, tỉnh An Giang. Vợ chồng sống hạnh phúc đến 3/2025 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ hay

ghen tuông vô cớ, dẫn đến vợ chồng thường cự cãi, đến 6/2025 vợ tự ý bỏ đi Bình Dương làm không sống chung, ông nhiều lần gặp vợ hàn gắn về sống chung nhưng vợ không đồng ý, nên vợ chồng không còn sống chung từ tháng 6/2025 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn ông yêu cầu ly hôn với bà T; Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung Đào Ngọc Như Q, sinh ngày 20/12/2023, hiện con chung đang sống chung với ông S. Khi ly hôn ông yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con; Về quan hệ tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về quan hệ nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, ông S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn bà Trần Thị Bích T được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bà T vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Đào Văn S đối với bà Trần Thị Bích T.

- Ông Đào Văn S được tiếp tục chăm sóc 01 con chung Đào Ngọc Như Q, sinh ngày 20/12/2023. Bà Trần Thị Bích T không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Đào Văn S yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị Bích T, bà T có nơi cư trú ấp A, xã L, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân khu vực 11 – An Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn bà Trần Thị Bích T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T là có căn cứ.

[3] Ông Đào Văn S yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị Bích T, ông S và bà T có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình làm việc và tại phiên Tòa hôm nay, ông S xác định trong thời gian vợ chồng sống chung vợ hay ghen tuông vô cớ, dẫn đến vợ chồng thường cự cãi, đến 6/2025 vợ tự ý bỏ đi Bình Dương làm không sống chung, ông nhiều lần gặp vợ hàn gắn về sống

chung nhưng vợ không đồng ý, nên vợ chồng không còn sống chung từ tháng 6/2025 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án về việc ông S yêu cầu ly hôn và triệu tập bà T tham gia các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa, nhưng bà T vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của ông S. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa ông S và bà T đã diễn ra trong thời gian dài, nguyên nhân do bà T hay ghen tuông vô cớ, dẫn đến vợ chồng thường cự cãi, đến 6/2025 bà tiền tự ý bỏ đi Bình Dương làm không sống chung, ông S nhiều lần gặp bà T hàn gắn về sống chung nhưng bà T không đồng ý, nên vợ chồng không còn sống chung từ tháng 6/2025 cho đến nay. Trong thời gian này, hai bên cũng không tạo điều kiện cho nhau hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu chung sống với nhau cũng không hạnh phúc. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông S là phù hợp theo quy định pháp luật.

[4] Về quan hệ con chung: Trong thời gian chung sống, ông S và bà T xác định vợ chồng có 01 con chung Đào Ngọc Như Q, sinh ngày 20/12/2023, hiện con chung đang sống cùng ông S. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi vợ chồng không còn sống chung với nhau, cháu Q do ông S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên tâm tư tình cảm của cháu gắn liền với người nuôi dưỡng và trong quá trình giải quyết bà T cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu này của ông S. Do đó, để ông S tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q là phù hợp với pháp luật.

[5] Đối với cấp dưỡng nuôi con chung: Ông S không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về quan hệ tài sản chung: Ông S trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Về quan hệ nợ chung: Ông S trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[8] Quá trình làm việc, ông S có yêu cầu Tòa án xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ. Ông S tự nguyện nộp chi phí tố tụng 300.000 đồng và đồng ý chịu toàn bộ chi phí này. Xét đây là sự tự nguyện của ông S nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đào Văn S đối với bà Trần Thị Bích T.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đào Văn S được ly hôn với bà Trần Thị Bích T.

- Về quan hệ con chung: Ông Đào Văn S và bà Trần Thị Bích T có 01 con chung Đào Ngọc Như Q, sinh ngày 20/12/2023. Bà Trần Thị Bích T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Đào Văn S cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về quan hệ tài sản chung: Không có.

- Về quan hệ nợ chung: Không có. Ghi nhận việc ông Đào Văn S xác định không có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có người khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, thì ông Đào Văn S và bà Trần Thị Bích T phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Chi phí xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ: 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng, ông Đào Văn S tự nguyện chịu. Ông Đào Văn S đã nộp đủ.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng, ông Đào Văn S phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng, theo biên lai thu số 63 do Thi hành án dân sự tỉnh An Giang cấp ngày 08 tháng 01 năm 2026. Ông Đào Văn S đã nộp đủ án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 11 – An Giang;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- UBND xã Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Anh Thư